

Bản tin chứng khoán

Trong số này

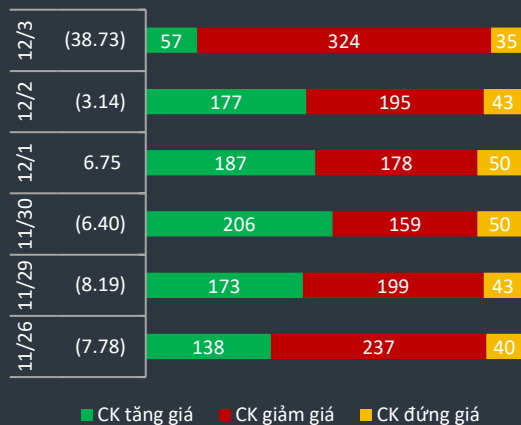
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Tâm lý thị trường VN đã bị dao động mạnh sau khi biến chủng Omicron gây chao đảo nhiều thị trường quốc tế lớn trong những ngày qua. Việc lo ngại thị trường tài chính thế giới quay lại giai đoạn khó khăn như năm ngoái cùng với việc chứng khoán trong nước đã có chuỗi tăng rất mạnh trong tuần trước đó đã dẫn đến hoạt động bán tháo ồ ạt nhằm hạn chế rủi ro và chốt lời của nhà đầu tư.

Chỉ số Vnindex chỉ cầm cự được khoảng thời gian đầu giao dịch buổi sáng sau đó áp lực bán tăng dần vào phiên chiều dẫn đến đợt xả hàng trên diện rộng của nhiều blue chip. Nhóm VN30 chỉ duy nhất PDR và VJC trên tham chiếu còn lại đều giảm trung bình -2% trong đó có hơn 10 mã giảm trên -3.5%. Nhiều cổ phiếu giảm sâu gần sàn khá bất ngờ như SSI, GVR, VRE, BID.

Nhóm chứng khoán trở thành nhóm ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất khi thị trường giảm điểm. Đây cũng là điều hợp lý khi cổ phiếu chứng khoán biến động tương đồng với nhịp lên xuống của thị trường, Khi chỉ số Vnindex giảm mạnh, lập tức nhà đầu tư sẽ liên tưởng dòng tiền sẽ rút ra khỏi thị trường và công ty chứng khoán sẽ ảnh hưởng lợi nhuận từ hoạt động margin và môi giới. Chưa kể hoạt động tự doanh cũng có thể gây thua lỗ nếu thị trường đi vào downtrend. Có thể xu hướng điều chỉnh của nhóm chứng khoán còn kéo dài thêm thời gian ngắn nhưng không quá bi quan vì nhóm ngành này sẽ sớm hồi phục trở lại so hoạt động đầu tư chứng khoán vẫn đang tăng trưởng không ngừng.

Nhóm ngân hàng cũng giảm trung bình -3% trong ngày với toàn bộ 27 cổ phiếu niêm yết đều mất điểm. Những bank lớn như BID, MSB, VPB, OCB, STB đều giảm trên -3%. VCB cùng với VIB, HDB giảm nhẹ nhất chỉ khoảng -1.1%.

Khối ngoại trong ngày bán ròng 439 tỷ đồng trong đó DXG, VRE, NLG, GEX là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất ít nhất trên 50 tỷ đồng. Một số cổ phiếu mua ròng trong ngày có nhóm vingroup như VHM, VRE và CTG, VNM, GMD.

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

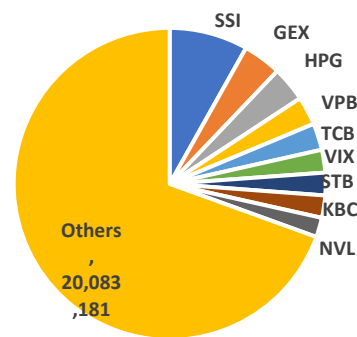
VIC		52.28
VHM		51.59
CTG		17.09
VNM		15.60
GMD		14.59
VCB		14.52
KDH		14.51
STB		13.74
HSG	(37.29)	
NVL	(47.84)	
GEX	(52.19)	
NLG	(58.49)	
VRE	76.71	
DXG	(77.34)	

Vnindex 1,443.32

▼ -38.73 (-2.61%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
DHG	116.7	7,600	6.97
PDR	94.9	100	0.11
VJC	120.4	-	-
HVN	22.8	(100)	(0.44)
MSN	151.0	(1,000)	(0.66)
VCB	98.0	(1,100)	(1.11)
VIB	42.4	(500)	(1.17)
SAB	157.0	(2,000)	(1.26)
VIC	105.5	(1,700)	(1.59)
HDB	31.0	(500)	(1.59)
FPT	95.5	(1,700)	(1.75)
GAS	96.6	(1,800)	(1.83)
VNM	85.8	(1,600)	(1.83)
HPG	47.7	(900)	(1.85)
ACB	32.6	(650)	(1.96)
REE	67.5	(1,500)	(2.17)
CTG	33.0	(800)	(2.37)
VHM	80.2	(2,100)	(2.55)
MWG	133.5	(3,500)	(2.55)
MBB	28.3	(800)	(2.75)
TPB	47.0	(1,400)	(2.89)
NVL	111.0	(3,300)	(2.89)
TCB	50.2	(1,500)	(2.90)
PNJ	94.0	(3,400)	(3.49)
VPB	35.7	(1,300)	(3.51)
PLX	53.3	(2,200)	(3.96)
POW	13.6	(600)	(4.24)
STB	28.0	(1,300)	(4.44)
BVH	57.8	(2,800)	(4.62)
BID	42.0	(2,200)	(4.98)
VRE	28.1	(1,550)	(5.23)
GVR	36.5	(2,150)	(5.56)
SSI	50.5	(3,500)	(6.48)
BCM	49.3	(3,700)	(6.98)



Thị trường đã tạo đỉnh trong ngắn hạn và có dấu hiệu phân phối. Việc giữ danh mục an toàn và hạ thấp tỷ lệ margin là ưu tiên hàng đầu giai đoạn hiện tại. Tuy nhiên thị trường sẽ không đi vào giai đoạn downtrend dài hạn mà sẽ còn giằng co và tích lũy dần. Vì vậy khi thị trường giảm mạnh là cơ hội để nhà đầu tư lựa chọn và tích lũy dần với nhóm cổ phiếu tăng trưởng và tiềm năng cho năm sau. Một số nhóm cổ phiếu chờ tín hiệu mua ngắn hạn có thể lưu ý như OCB, GVR, DCM, DPM, HPG, DGW, FRT, GEX.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCB	50.2	(7.0)	50	75	Mua quanh 53-55. Mục tiêu 75	11/24/2021	-8.7%
DPM	47.8	(5.0)	44	60	Mua quanh 47-48. Mục tiêu 60	11/23/2021	-2.4%
DCM	37.5	(1.6)	32	45	Mua quanh 35-36. Mục tiêu 45	11/23/2021	2.7%
HSG	37.5	(5.7)	35	50	Mua quanh 38-39. mục tiêu 50	11/23/2021	-2.6%
PET	30.0	0.2	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	7.1%
LCG	21.0	4.7	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	50.0%
DPR	79.7	(1.2)	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	19.0%
GVR	36.5	(1.2)	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	24.1%
HCM	44.5	(8.6)	44	60	Nắm giữ	7/12/2021	30.9%
VCI	73.3	(6.7)	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	49.6%
SSI	50.5	(5.6)	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	53.0%
MBB	28.3	(6.6)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-2.4%
OCB	27.5	(9.5)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	19.6%
HPG	47.7	(2.8)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	6.0%
DGW	123.6	(8.1)	120	150	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	147.2%
REE	73.0	0.7	50	80	Chốt lãi	7/12/2021	43.1%
IDC	87.0	(3.4)	45	85	Chốt lãi	9/21/2021	74.0%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TCM	2.47
CTF	2.62
C47	2.87
HTT	3.23
TLD	3.52
QBS	3.86
CRE	4.20
HDC	5.72
LM8	6.73
KPF	6.81
ROS	6.90
CIG	6.91
DHG	6.97
CLG	12.12
DIC	13.73

Top tăng giá HNX

CMS	2.92
CEO	3.08
MPT	3.57
MHL	3.85
TKU	4.06
LAS	4.27
LHC	4.36
TTH	6.02
C69	6.80
LTC	7.14
MEC	7.41
BLF	8.16
HKB	8.33
L43	8.64
CTX	8.65
S55	9.07
LM7	9.46
VXB	9.68
VC6	9.77
SFN	9.80
LDP	9.83
TIG	9.85
NDF	12.00
DPS	12.00
SPP	13.04
KSK	13.04

LPB - Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CTCP Thaiholdings, cổ đông đã bán ra hơn 22,39 triệu cổ phiếu LPB trong ngày 01/12 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Sau giao dịch, cổ đông trên chỉ còn nắm giữ lô lẻ 12 cổ phiếu LPB.

VNM - CTCP Sữa Việt Nam - Ngày 10/1/2022 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2020 của Vinamilk, ngày đăng ký cuối cùng là 11/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 14%, thanh toán bắt đầu từ ngày 25/2/2022.

DIG - Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng – Đã thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ 666.666 cổ phần sở hữu tại CTCP Sông Đà – Hà Nội, với giá trị 5 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trong quý IV/2021.

S4A - CTCP Thủy điện Sê San 4 - Ngày 2/12, HĐQT đã thông qua việc trả cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 22/12/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 12/1/2022.

PNJ - CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận - Ngày 09/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 3 năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 10/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 6%, thanh toán bắt đầu từ ngày 11/01/2022.

BVS - CTCP Chứng khoán Bảo Việt – BVSC – Đã thông qua phương án phát hành 100 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi, mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 24 tháng.

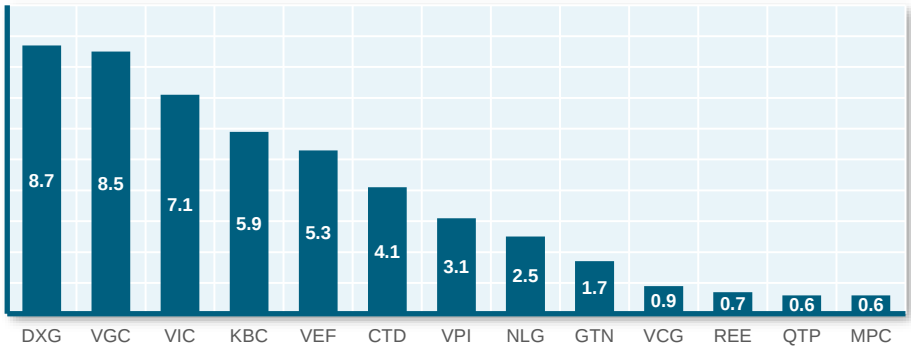
QHD - CTCP Que hàn điện Việt – Đức - Ngày 01/12, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

DIG - Tổng công ty cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng - Đã thông qua kế hoạch chuyển nhượng toàn bộ 666.666 cổ phần sở hữu tại CTCP Sông Đà – Hà Nội (Mã chứng khoán ASD) với giá trị chuyển nhượng là 5 tỷ đồng và thời gian thực hiện trong quý IV/2021.

ANV - CTCP Thủy sản Nam Việt - Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến collagen peptide và gelatin tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Tp.Cần Thơ. Đây là dự án liên doanh giữa Navico với Amicogen - được biết đến như nhà sản xuất C&G hàng đầu của Hàn Quốc với hơn 21 năm kinh nghiệm trong ngành sản xuất và chế biến các sản phẩm làm đẹp.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	35.7	23,234,900	7.1	1.5	-	82,500	158,703	17.99	5,056	24,447
VIB	HOSE	42.4	3,128,900	7.5	3.1	8,800	9,800	65,853	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	98.0	795,900	17.7	3.5	170,900	24,900	363,470	23.64	5,532	28,293
VBB	HNX	18.2	100,842	21.9	1.6	-	3,300	8,694	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.8	1,196,065	14.9	1.3	-	-	7,920	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	47.0	3,624,400	10.3	2.5	73,200	521,600	55,069	29.57	4,565	18,925
TCB	HOSE	50.2	15,571,600	10.9	2.1	487,400	487,400	176,248	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	28.0	23,483,000	14.6	1.7	575,800	105,300	52,786	17.36	1,922	16,846
SSB	HOSE	38.5	2,103,100	22.3	3.1	-	22,100	56,922	0.03	1,723	12,310
SHB	HOSE	23.0	12,000,300	10.5	1.6	800	700,400	48,949	3.46	2,183	14,014
SGB	HNX	18.1	343,327		1.5	-	-	5,575	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	35.3	445,031	47.8	2.6	-	100	10,590	15.00	739	13,529
OCB	HNX	27.5	4,676,000	7.2	1.5	8,600	5,800	37,672	21.94	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.0	232,200	141.5	2.7	-	-	11,797	8.34	205	10,726
NAB	HOSE	20.7	394,777	6.1	1.3	600	-	9,448	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	25.0	7,588,700	7.6	1.4	300	-	38,188	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.3	12,442,600	7.3	1.4	44,200	1,700	106,927	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.6	11,216,500	8.3	1.5	26,600	9,800	25,937	3.94	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.8	138,929	11.7	1.7	-	-	8,603	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	31.0	9,937,000	8.0	1.8	301,200	1,254,600	61,758	17.13	3,854	17,399
EIB	HOSE	27.0	278,800	30.9	1.9	-	9,800	33,195	29.63	874	14,061
CTG	HOSE	33.0	9,828,100	7.5	1.3	756,800	255,600	158,590	25.28	4,394	25,028
BVB	HOSE	23.1	4,051,626	20.0	1.8	2,000	-	8,480	0.07	1,157	12,737
BID	HOSE	42.0	2,199,100	16.7	2.0	21,800	6,100	168,925	16.68	2,512	21,036
BAB	HOSE	23.4	51,052	24.6	1.9	-	-	17,623	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.6	4,916,300	7.1	2.2	-	-	87,948	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.4	3,213,269	7.6	1.3	-	-	12,226	30.00	2,801	16,671
157,192,318				19.14	1.92	2,479,000	3,500,800	1,798,096		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ACL	HOSE	23/12/2021	24/12/2021	5/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	CMD	UPCoM	23/12/2021	24/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PHN	HNX	23/12/2021	24/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GMX	HNX	17/12/2021	20/12/2021	12/1/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	NTC	UPCoM	16/12/2021	17/12/2021	17/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 8,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TRC	HOSE	15/12/2021	16/12/2021	14/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	KHP	HOSE	14/12/2021	15/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
8	VSI	HOSE	14/12/2021	15/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	BCM	HOSE	10/12/2021	13/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	SHI	HOSE	10/12/2021	13/12/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
11	CAV	HOSE	10/12/2021	13/12/2021	23/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	PNJ	HOSE	9/12/2021	10/12/2021	11/1/2022	Trả cổ tức đợt 3/2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	MSH	HOSE	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 4,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	RCL	HNX	9/12/2021	10/12/2021	27/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HT1	HOSE	9/12/2021	10/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	SJE	HNX	9/12/2021	10/12/2021	10/1/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	NQT	UPCoM	9/12/2021	10/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 550 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	MST	HNX	9/12/2021	10/12/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	TA9	HNX	9/12/2021	10/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	QPH	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	28/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	CHS	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 650 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	CHS	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	22/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	IST	UPCoM	8/12/2021	9/12/2021	30/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	ASP	HOSE	8/12/2021	9/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	VNL	HOSE	7/12/2021	8/12/2021	24/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	RTB	UPCoM	7/12/2021	8/12/2021	20/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	SIP	UPCoM	7/12/2021	8/12/2021	17/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931